

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/DS-PT

Ngày: 26-3-2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng dân
sự mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 41/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1973; cư trú tại số 14, thôn Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1969; cư trú tại số 37, thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị Ngọc H, sinh năm: 1974; cư trú tại số 37, thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn Đ – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2017, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Nguyễn Thị Mỹ D thì:

Vào ngày 22/09/2017 giữa bà và Ông Lê Văn Đ có thỏa thuận mua bán cải dưa với giá 130.000đ/bịch 30kg, bà có đặt cọc trước cho ông Đ 10.000.000đ, hai bên thỏa thuận mua hết đám cải dưa, khi cắt xong cải dưa còn thiếu bao nhiêu bà sẽ thanh toán tiền tại vườn. Trong thực tế bà đã cắt tổng cộng 200 bịch (chia làm 02 lần, lần hai cách lần đầu khoảng 03 ngày cắt thêm 40 bịch) và trả thêm 16.000.000đ, tổng cộng ông Đ đã nhận 26.000.000đ. Tuy nhiên khi xe vào chở cải thì ông Đ không cho bà chở và yêu cầu bà phải bỏ lại 40 bịch. Nay bà yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền 8.000.000đ bao gồm giá trị của 40 bịch cải mà ông Đ lấy lại là 6.000.000đ, bồi thường thiệt hại thêm 2.000.000đ; quá trình Tòa án giải quyết thì bà chỉ yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà 6.000.000đ, ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Theo đơn phản tố ngày 19/4/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Ông Lê Văn Đ thì thông qua bà Hương giới thiệu, bà D thỏa thuận mua 01 đám cải dưa của ông với giá 130.000đ/bịch 30kg, bên mua thỏa thuận 10 ngày sau vào cắt cải và bà D sẽ mua hết đám cải dưa này, sau khi cắt xong thì sẽ thanh toán tại vườn. Ngoài ra, để đảm bảo với nhau bà D và ông còn nói khi chất dưa lên xe nào thì tính tiền theo khối lượng đã đưa lên xe đó. Bà D có đặt cọc số tiền 10.000.000đ, sau 10 ngày bà D cắt 160 bịch, 07 ngày sau bà D cắt thêm 40 bịch và tiếp tục thanh toán 16.000.000đ. Do còn lại khoảng 50 bịch bà D bỏ lại không chịu cắt nên ông đã giữ lại 40 bịch. Nay ông đồng ý trả cho bà D 6.000.000đ nhưng cũng yêu cầu bà D phải trả cho lại cho ông số tiền 6.500.000đ (50 bịch x 130.000đ/bịch) do bà D không cắt số cải còn lại nên ông bị thiệt hại.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 24/2018/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018; Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 6.000.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/11/2018 Ông Lê Văn Đ kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Lê Văn Đ vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bà Nguyễn Thị Mỹ D đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Bà Nguyễn Thị Mỹ D và Ông Lê Văn Đ có xác lập giao dịch dân sự mua bán cải dưa, do các bên cho rằng có sự vi phạm về số tiền thanh toán, khối lượng cải dưa đã cắt nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc các bên thỏa thuận mua bán cải dưa là có xảy ra trong thực tế, dù việc thỏa thuận chỉ được thực hiện bằng lời nói nhưng các bên đều thừa nhận khối lượng dưa cải mà các bên tham gia giao dịch, số tiền đã thanh toán và việc tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng, do vậy cần căn cứ vào lời trình bày của các đương sự để giải quyết vụ án.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D thì thấy rằng, các bên đều thừa nhận có việc giao nhận tiền, cắt cải dưa và việc bị đơn giữ lại 40 bịch cải dưa, quy thành tiền là 6.000.000đ. Xét việc ông Đ tự ý giữ lại 40 bịch cải dưa mà bà D đã cắt vì cho rằng bên mua không thực hiện việc cắt số cải dưa còn lại trong vườn là không phù hợp, vi phạm thỏa thuận giữa các bên bởi lẽ cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận mua bán hết đám cải dưa, khi đưa lên xe nào sẽ tính toán trả tiền theo giá trị của khối lượng dưa trên xe đó, trong thực tế bà D cũng đã đặt cọc trước một khoản tiền, giữa bên bán và bên mua không có thỏa thuận thời gian cụ thể để cắt hết cải dưa. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cũng đồng ý thanh toán lại cho bà D số tiền chênh lệch đã nhận so với khối lượng dưa mà bà D đã cắt, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của ông Đ thì: như trên đã phân tích, khi giao kết hợp đồng bà D và ông Đ thỏa thuận phương thức mua bán là cắt xong đám cải dưa mới thanh toán, khi cho các bịch cải dưa này lên xe nào thì bà D sẽ trả tiền theo khối lượng đã đưa lên xe đó, ngoài ra hai bên không chốt được khối lượng của toàn vườn dưa cải là bao nhiêu. Ông Đ cho rằng bà D không thực hiện việc cắt đám dưa cải còn lại khoảng 50 bịch nên bị tổn thất 6.500.000đ là không có căn cứ, ngay trong đợt cắt dưa lần 2 giữa hai bên đã xảy ra tranh chấp dẫn đến việc ông Đ lấy lại 40 bịch cải dưa mà bà D đã cắt nên giữa các bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng và bà D cũng không thừa nhận còn cải dưa và không cắt số cải còn lại. Trong thực tế theo các bên thừa nhận thì bà D đã cắt tổng cộng 200 bịch (bao gồm cả 40 bịch ông Đ lấy lại) tương ứng với số tiền bà D đã đưa cho

ông Đ, như vậy trong trường hợp đã bị lấy lại 40 bích thì bà D phải tiếp tục đi cắt dưa cho đủ số tiền mình đã ứng trước nhưng việc này không được thực hiện, bên cạnh đó nếu cho rằng còn cái dưa để dẫn đến bị thiệt hại thì bên bán có thể trừ vào số tiền bên mua đã đặt cọc và ứng trước nhưng quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm ông Đ vẫn đồng ý trả lại tiền bà D ứng còn dư, điều này không phù hợp với thực tế nếu ông Đ cho rằng mình thiệt hại do hành vi không cắt cái dưa của bà D. Ngoài ra ông Đ không chứng minh được khối lượng cái dưa còn lại và thiệt hại thực tế xảy ra là bao nhiêu cũng như lỗi của bà D trong việc dẫn đến không cắt số cái dưa còn lại, bà D cũng không thừa nhận việc không cắt số cái dưa còn lại; do vậy yêu cầu phản tố của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

[7] Về án phí: cấp sơ thẩm buộc bị đơn chỉ phải chịu 475.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà D và yêu cầu phản tố không được chấp nhận vì cho rằng số tiền 6.000.000đ mà bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn là không chính xác bởi lẽ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, ông Đ đồng ý trả lại cho bà D số tiền 6.000.000đ đã nhận trước đó, ngoài ra đương sự không thỏa thuận vấn đề nào khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (ví dụ: thỏa thuận phương thức trả, ai là người phải chịu án phí,...) do vậy chưa được xem là các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thời gian cấp sơ thẩm lập biên bản hòa giải ngày 28/6/2018 đến khi giải quyết vụ án ngày 31/10/2018 là hơn 04 tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ vẫn đồng ý trả 6.000.000đ cho bà D, đây là sự khẳng định lại ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn vì dù trước đó bị đơn đã trình bày nhưng chưa được giải quyết. Do vậy việc ông Đ đồng ý trả cho bà D số tiền 6.000.000đ được xem là ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cấp sơ thẩm ra Bản án; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc ông Đ phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán là không phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần sửa án sơ thẩm về việc buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán và yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 435, 436, 437, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Khoản 2, 5 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” đối với Ông Lê Văn Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự; buộc Ông Lê Văn Đ có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả cho ông số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc Ông Lê Văn Đ phải chịu 625.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Đ đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0004944 ngày 19/4/2018 và số AA/2016/0011103 ngày 15/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông Đ còn phải nộp 25.000đ.

Bà D được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004708 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Lê Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch